

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2018

V/v tranh chấp “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân T ;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn B1 ;

2. Ông Nguyễn Văn Ng .

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn G - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2017/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “*Xin ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Thanh N** , sinh năm 1975;

Địa chỉ: khu phố W, thị trấn Vĩnh Z, huyện Q, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Quốc V** , sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp Tân Th , xã Tân Ph , huyện A, tỉnh B.

(Chị Nhung, anh Việt có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh N trình bày:**

Chị và anh Trần Quốc V kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 09/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Ph, huyện A, tỉnh B. Trong quá trình sống chung cuộc sống vợ chồng tính tình không hợp nhau nên hay cãi nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị đã cố gắng tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh V là người thiếu trách nhiệm trong việc chăm lo cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng chị đã sống ly thân gần 01 năm nay. Do vậy, chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh V .

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Huỳnh Quốc Tr, sinh ngày 04/4/2010, hiện đang sinh sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Quốc V trình bày:***

Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn và con chung. Tuy nhiên anh V cho rằng, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2013 mà chủ yếu là từ vấn đề kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến các mâu thuẫn nhỏ khác trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng là không lớn, có thể hàn gắn được nên anh không đồng ý ly hôn với chị N. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N cho ly hôn thì anh đồng ý giao con chung là Trần Huỳnh Quốc Tr, sinh ngày 04/4/2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, và tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Tr 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn và nuôi con chung”, cần được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] *Về yêu cầu xin ly hôn của chị N:* Chị Huỳnh Thị Thanh N và anh Trần Quốc V tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện A, tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07/2009 ngày 09/02/2009. Theo chị N, quá trình chung sống vợ chồng giữa hai người có nhiều bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, anh V không có trách nhiệm với gia đình nên phát sinh mâu thuẫn. Chị đã nhiều lần tạo điều kiện nhưng anh V vẫn không khắc phục sửa chữa, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân gần 01 năm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh V. Anh V thừa nhận, cuộc sống vợ chồng anh có phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không lớn, có thể hàn gắn được nên anh không đồng ý ly hôn.

Qua lời trình bày của hai bên đương sự thấy rằng, nguyên nhân chính xuất phát từ khó khăn về kinh tế dẫn đến tình trạng vợ chồng bất đồng quan điểm về phương thức và định hướng giải quyết khó khăn. Tại phiên tòa, các bên thừa nhận khó khăn về kinh tế đã dần được khắc phục và anh Việt nêu ra định hướng trong tương lai để vợ chồng cùng khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống. Vì thế, xét đời sống chung vợ chồng chị N, anh V tuy có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn là không lớn, có khả năng hàn gắn được. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N xin được ly hôn với anh V là không phù hợp với qui định của pháp luật.

[3] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Do yêu cầu xin ly hôn của chị Nhung không được Tòa án chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

[4] *Về án phí:* Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thanh N. Không cho chị N được ly hôn với anh Trần Quốc V.

2. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 48685 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, nên coi như chị Nhung đã thi hành xong phần án phí.

Anh V không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị N, anh V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- CC THADS huyện A;
- UBND xã Tân Ph, A;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân T